

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-ST  
Ngày: 18 – 7 – 2022  
*V/v tranh chấp yêu cầu thực  
hiện nghĩa vụ tài sản do  
người chết để lại.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Từ Văn Nhứt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Lê Thị Cẩm;**

2. Ông **Trần Phạm Hoàng Long.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Kép** – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 388/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-DS ngày 25/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số , đường V, Khóm , Phường , thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Mỹ T là ông Nguyễn Duy S, sinh ngày 09/12/1981; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH MTV Thái S, số H, đường L, Khóm , Phường , thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Đồng bị đơn:* Anh **Nguyễn Trí H**, sinh năm 1986; ĐKKHKT: Số , đường K, Khóm , Phường , thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và chị **Nguyễn Huyền T**, sinh năm 1992; ĐKKHKT: Số , đường V, Khóm , Phường , thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

Hiện tại cùng ở tại địa chỉ: Số, đường A, khu Dân cư T, Phường , thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Thiện C**, sinh năm 1958;

- Anh **Nguyễn Trần Văn N**, sinh năm 1996

- Chị **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1978  
- Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1980  
Cùng địa chỉ: Số , đường K, Khóm , Phường , thành phố B, tỉnh Bạc Liêu  
- Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số , hẻm , đường V, Khóm ,  
Phường , thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy S; đồng bị đơn anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T có mặt tại phiên tòa. Tất cả các đương sự còn lại trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2021 của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ T và lời trình bày của ông Nguyễn Duy S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình tố tụng như sau:**

Bà Trần Thị Mỹ T là em ruột bà Trần Thị S, bà T là dì ruột của anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T là cháu dâu của bà T. Tháng 5 năm 2017 bà S có vay của bà T số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng, ngày cho vay không nhớ là ngày nào, bà T cho bà S vay tiền tại nhà của bà T. Do chị em ruột với nhau nên việc cho vay không thỏa thuận thời hạn, bà T nói khi nào có tiền thì trả dần cho bà T chứ không nói cụ thể thời hạn phải trả dứt nợ. Đây là số tiền giúp đỡ bà S nên cho vay cũng không tính lãi suất. Khi cho vay tiền không có làm biên nhận, văn bản hay hợp đồng gì mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, bà T giao tiền cho bà S tại nhà bà T thì có mặt bà T, bà S, anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T, 01 người con riêng của bà S là Trần Thanh H chứng kiến. Ngoài ra, không còn ai khác.

Mục đích bà S vay tiền là để mua căn nhà số 113 đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, trong năm 2017 nhưng không biết thời gian chính xác. Khi bà S vay tiền của bà T thì nói là mua căn nhà trên để ở, nhưng khoảng 01 tháng sau thì bà S nói với bà T là căn nhà để lại cho vợ chồng T và H đứng tên sở hữu nên bà T có đến nhà bà S để yêu cầu vợ chồng T và H làm biên nhận để sau này có trách nhiệm trả số tiền nợ 700.000.000 đồng mà bà S đã vay vào tháng 5 năm 2017. Lúc đó vợ chồng T và H cũng đồng ý với yêu cầu của bà T và đồng ý viết biên nhận cho bà T và giao bản chính biên nhận cho bà T giữ. Biên nhận do T trực tiếp viết và chữ ký trong biên nhận đúng là của T và H ký tên. Biên nhận được viết vào ngày 10 tháng 8 năm 2017, lúc viết biên nhận có mặt bà T, bà S, ông Trí (chồng bà S), T và H.

Bà Trần Thị S chết ngày 17 tháng 01 năm 2021, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do bà Trần Thị S chết để lại, cụ thể là trả cho bà T số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Không có yêu cầu gì đối với những người còn lại trong hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị S. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

***Đồng bị đơn anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T thống nhất trình bày:***

Giữa anh H và chị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2015, anh H là con ruột của bà Trần Thị S, chị T là con dâu, bà Trần Thị Mỹ T là em ruột bà S và là dì ruột của anh H; Chị T là cháu dâu của bà T.

Về nguồn gốc căn nhà số 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là của anh H, chị T nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thùy Dương, với giá 1.200.000.000đ, vào ngày 03/8/2017. Nguồn tiền để mua căn nhà là của anh chị và của mẹ ruột của chị T cho. Năm 2021 anh H, chị T chuyển nhượng lại nhà và đất nêu trên cho ông Thảo ở Phường 2 với giá 1.700.000.000đ, (Không nhớ họ tên địa chỉ cụ thể của ông Thảo)

Về biên nhận vay tiền: Biên nhận được viết khi bà S bệnh, bà T ép buộc anh chị phải viết, lúc đó anh H và chị T viết cho bà T một biên nhận đề ngày 17/05/2018 với nội dung “*mẹ tôi là bà S có mượn của dì Tiên số tiền 700.000.000đ, nay mẹ tôi bị bệnh tai biến*”. Khi đó, bà T không đồng ý nội dung của biên nhận này, bà T buộc anh H và chị T viết biên nhận với nội dung “*Tôi tên: Nguyễn Huyền T, chồng là Nguyễn Trí H nay tôi làm giấy này với lý do mẹ tôi là bà Trần Thị S có mượn của dì tiên số tiền 700.000.000đ để mua căn nhà 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, thành phố Bạc Liêu*”, biên nhận đề ngày 10/8/2017 là không đúng, thực tế ngày viết biên nhận là ngày 17/5/2018. Còn biên nhận mà bà T cung cấp cho Tòa án là bà T sửa ngày tháng năm lại (biên nhận có dấu sửa tay). Anh H và chị T thừa nhận biên nhận mà bà T yêu cầu anh chị viết lại nêu trên và biên nhận mà bà T nộp cho Tòa án là do chị T trực tiếp viết và cùng với anh H ký tên vào biên nhận. Ngày bà T ép anh H và chị T viết và ký biên nhận này chỉ có ông Nguyễn Thiện C chứng kiến sự việc, bà T cho người đến kêu anh chị viết giấy nợ, anh H, chị T sợ bà S bệnh nên mới viết và ký biên nhận cho bà T, đợi khi nào bà S hết bệnh sẽ tính sau. Thực tế thì anh chị biết bà S không có mượn tiền bà T và bà S cũng không có ký giấy tờ gì.

Nay Trần Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị T thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Trần Thị S chết để lại, cụ thể trả cho bà T số tiền 700.000.000đ thì anh H và chị T không đồng ý.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- ***Ông Nguyễn Thiện C trình bày:*** Ông là chồng của bà Trần Thị S và cha ruột của Nguyễn Trí H, còn Nguyễn Huyền T là con dâu của ông. Ông và bà S sống chung khoảng năm 1978 đến nay và không có đăng ký kết hôn. Ông và bà S có 02 người con chung là Nguyễn Trí H và Nguyễn Trần Như Thị Phương Thảo (chết năm 2009). Ngoài ra, còn có một người con nuôi là Nguyễn Trần Văn N; bà S còn có 03 người con riêng là chị Nguyễn Ngọc V, chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Thanh H. Cha bà S là ông Nguyễn Văn Mẹo, mẹ bà S là bà Trần Thị Tám, ông Mẹo và bà Tám đều chết rất lâu, không nhớ rõ thời gian chết khi nào.

Việc bà Trần Thị S có vay tiền của bà Trần Thị Mỹ T hay không và sự việc cụ thể như thế nào thì ông không biết, ông chỉ biết khi bà S bị bệnh thì bà T có đến

nói với ông là trước đây bà S có mượn bà T 700.000.000đ để mua căn nhà số 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, nay để cho T và H ở nên bà T không đồng ý, bà T yêu cầu phải trả cho bà T 700.000.000đ, ông thấy bà S bệnh, nên ông cũng nể bà T để cho H và T ở ngôi nhà trên, còn việc bà S có mượn tiền bà T hay không thì ông không rõ. Sau đó, bà T buộc ông phải kêu T và H viết tờ biên nhận nợ có nội dung “Tôi tên: Nguyễn Huyền T, chồng là Nguyễn Trí H nay tôi làm giấy này với lý do mẹ tôi là bà Trần Thị S có mượn của dì tiền số tiền 700.000.000đ để mua căn nhà 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, thành phố Bạc Liêu”, ông cũng có kêu anh H và chị T viết tờ nhận nợ như đã nêu trên, ngày H và T viết tờ nhận nợ này có ông C là người trực tiếp chứng kiến.

Nay bà T yêu cầu anh H và chị T trả số tiền 700.000.000đ thì T và H là người quyết định, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- **Anh Nguyễn Trần Văn N trình bày:** Anh N là con nuôi của bà Trần Thị S và ông Nguyễn Thiện C. Việc bà Trần Thị Mỹ T yêu cầu chị T và anh H trả số tiền 700.000.000đ thì mọi quyết định do cha là ông C và anh H, chị T quyết định, anh N không biết sự việc và không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- **Anh Trần Thanh H trình bày:** Anh H là con ruột của bà S và ông Phan Văn Ngan (đã chết lúc anh còn nhỏ), bà T là dì ruột của anh H còn Nguyễn Trí H là anh em cùng mẹ khác cha với anh H. Giữa bà S và ông Ngan chỉ có một người con chung là anh H. Theo anh H biết vào năm 2017 bà Trần Thị S có mượn 700.000.000đ của dì Tiên. Lý do anh H biết là vào năm 2017 anh là người làm thuê cho bà T, khi bà S qua hỏi mượn tiền thì có anh ở nhà bà T nên anh H biết sự việc này.

Việc bà Trần Thị Mỹ T yêu cầu chị T và anh H trả số tiền 700.000.000đ thì anh H không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- **Đối với chị Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Ngọc H** không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của chị V và chị H để lấy lời khai nhưng đều vắng mặt nơi cư trú. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của chị V và chị H xác định: Chị V và chị H cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 061, đường Kênh Xáng, Khóm 7, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Chị V và chị H hiện không có sinh sống tại địa phương, hiện tại đang sinh sống tại đâu và khi nào về thì địa phương không rõ. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay chị V và chị H vắng mặt không có lý do.

#### **Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T yêu cầu anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Trần Thị S chết để lại, cụ thể là trả cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật số tiền 32.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Đồng thời đồng bị đơn có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện C, anh Nguyễn Trần Văn N và anh Trần Thanh H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C, anh N, anh H, chị V và chị H.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ T yêu cầu đồng bị đơn anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do bà Trần Thị S chết để lại, cụ thể là trả cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền là 700.000.000đ, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*, có nghĩa là: Bà Trần Thị Mỹ T là nguyên đơn trong vụ án thì bà phải có nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Trần Thị Mỹ T cung cấp cho Tòa án một “Biên nhận” đề ngày 10/8/2017 với nội dung như sau: *“Tôi tên: Nguyễn Huyền T, chồng là Nguyễn Trí H nay tôi làm giấy này với lý do mẹ tôi là bà Trần Thị S có mượn của dì tiên số tiền 700.000.000đ để mua căn nhà 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, thành phố Bạc Liêu”*.

Từ đó, để bà T chứng minh rằng vào tháng 5 năm 2017 bà Trần Thị S có vay số tiền 700.000.000đ của bà, do chị em ruột với nhau khi vay tiền giữa hai bên không có làm giấy tờ gì, mục đích vay số tiền của bà S là để mua căn nhà số 113, Hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cho anh Nguyễn

Trí H và chị Nguyễn Huyền T sở hữu. Đến ngày 17 tháng 01 năm 2021 bà Trần Thị S chết, số tiền 700.000.000đ đến nay chưa trả cho bà Trần Thị Mỹ T.

Đối với anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T thừa nhận vào ngày 03 tháng 8 năm 2017 anh, chị có nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Thùy Dương và ông Huỳnh Văn Hận căn nhà và đất ở tại số 113, Hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, anh chị còn thừa nhận có viết “Biên nhận” với nội dung *“Tôi tên: Nguyễn Huyền T, chồng là Nguyễn Trí H nay tôi làm giấy này với lý do mẹ tôi là bà Trần Thị S có mượn của dì tiên số tiền 700.000.000đ để mua căn nhà 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, thành phố Bạc Liêu”*. Biên nhận là do chị T trực tiếp viết và cùng với anh H ký tên vào biên nhận nêu trên.

Xét thấy: Việc thừa nhận ngày 03 tháng 8 năm 2017 có nhận chuyển nhượng căn nhà và đất ở tại số 113, Hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và thừa nhận nội dung, chữ viết và chữ ký trong “*Biên nhận*” mà bà Trần Thị Mỹ T cung cấp cho Tòa án của anh H và chị T - là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Nhưng anh H và chị T cho rằng: Nguồn tiền để anh, chị mua căn nhà và đất ở tại số 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là tiền riêng của anh, chị chứ không phải lấy từ nguồn tiền 700.000.000đ của bà S mượn của bà T; Khi viết “*Biên nhận*” nêu trên anh H và chị T bị ép buộc viết và ký tên, vì lúc này mẹ của anh H, chị T là bà Trần Thị S bị bệnh, bà T ép buộc anh H, chị T phải ghi biên nhận, nên anh chị mới viết một biên nhận đề ngày 17/05/2018 với nội dung *“mẹ tôi là bà S có mượn của dì Tiên số tiền 700.000.000đ, nay mẹ tôi bị bệnh tai biến”*. Khi đó, bà T không chịu nội dung của biên nhận này, mà bà T buộc anh H và chị T viết lại biên nhận với nội dung *“Tôi tên: Nguyễn Huyền T, chồng là Nguyễn Trí H nay tôi làm giấy này với lý do mẹ tôi là bà Trần Thị S có mượn của dì tiên số tiền 700.000.000đ để mua căn nhà 113, hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, thành phố Bạc Liêu”*, biên nhận đề ngày 10/8/2017 là không đúng, thực tế ngày viết đơn là ngày 17/5/2018.

Tuy nhiên, anh H và chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình; Đồng thời, tại thời điểm anh H, chị T viết biên nhận có ông C trực tiếp chứng kiến, ông C là người đã kêu anh H, chị T viết biên nhận cho bà T, nên lời trình bày của anh H, chị T cho rằng bà T ép buộc vợ chồng anh chị viết biên nhận là không có căn cứ chấp nhận. Mặc dù, ngày tháng của biên nhận có dấu hiệu chỉnh sửa nhưng nội dung biên nhận không có dấu hiệu chỉnh sửa. Ngoài ra, anh H, chị T là người có đủ năng lực hành vi Dân sự, nên anh, chị phải chịu trách nhiệm với mọi giao dịch dân sự mà mình thực hiện.

Từ những phân tích nêu trên, cho thấy nguồn tiền mà anh H, chị T mua căn nhà tại số 113, Hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có số tiền 700.000.000đ mà bà Trần Thị S vay của bà Trần Thị Mỹ T là có xảy ra trên thực tế, nay bà Trần Thị S chết, nên bà Trần Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ

tài sản do bà Trần Thị S chết để lại, cụ thể là trả cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền 700.000.000đ. Hội đồng xét xử, xét thấy: Các đương sự xác định, khi bà S chết có để lại di sản là một căn nhà không có tranh chấp, đồng thời anh H và chị T không được thừa hưởng tài sản nào là di sản thừa kế của bà S. Tuy nhiên, khi bà S còn sống có vay tiền của bà T 700.000.000đ để đủ tiền mua nhà cho vợ chồng anh H, chị T và không hứa hẹn thời gian trả nợ, do có mối quan hệ chị em ruột với bà T. Như vậy, số tiền 700.000.000đ này được góp chung, để hình thành hơn ½ giá trị tài sản là căn nhà và đất tại số 113, Hẻm 1, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nay bà S bệnh chết, chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T, nên người được hưởng lợi ích từ tài sản nêu trên là anh H và chị T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà S là phù hợp với đạo lý và lẽ công bằng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T, buộc anh H và chị T có nghĩa vụ trả 700.000.000đ cho bà T. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu tiền lãi suất phát sinh trên số tiền 700.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.2] Bà Trần Thị Mỹ T chỉ yêu cầu anh H và chị T trả phần nợ của bà S, không có yêu cầu gì đối với những người còn lại trong hàng thừa kế thứ nhất của bà S trả nợ. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Đối với ông Nguyễn Thiện C, anh Nguyễn Trần Văn N và anh Trần Thanh H không có yêu cầu gì trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập chị Trần Ngọc Vân và Trần Ngọc Hương để giải quyết vụ án nhưng chị V và chị H vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[3] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 32.000.000đ.

- Bà Trần Thị Mỹ T và các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ T yêu cầu anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Trần Thị S chết để lại, cụ thể là trả cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Buộc anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn Trí H và chị Nguyễn Huyền T liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

- Bà Trần Thị Mỹ T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 16.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0007209, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Từ Văn Nhứt**